TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 173/2026/HNGĐ-ST Ngày: 29-4-2026 V/v tranh chấp "Ly hôn"	

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Đoàn Lĩnh**

Ông **Đặng Bình Thủy**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài-** Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2026/TLST-HNGD ngày 11 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Võ Thị K,** sinh năm 1980; CCCD 082180019079 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* **Lê Văn T,** sinh năm 1978; CCCD 082078035716 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Võ Thị K trình bày: Chị và anh Lê Văn T chung sống vợ chồng từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã G, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 25/10/2001. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chồng không rõ ràng trong làm ăn kinh doanh nuôi nghêu, anh T bán nghêu nhưng không cho biết và tiêu xài cá nhân, còn nợ thì chị phải trả.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: có 03 con chung tên Lê Thị Hoài T1 sinh năm 1999, Lê An T2 sinh năm 2001, Lê An T3 sinh năm 2004. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị K, đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Võ Thị K tranh chấp về việc ly hôn; bị đơn hiện cư trú tại xã G, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp.

[2] Chị Võ Thị K có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; anh Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập (tống đạt) hợp lệ. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị K, anh T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa chị Võ Thị K và anh Lê Văn T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã G, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 25/10/2001. Hội đồng xét xử xét thấy, khi chị K có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị K, các lần hòa giải và tại phiên tòa anh T vắng mặt không có lý do. Điều đó đã cho thấy anh T không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh chị. Quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến, không tham gia hòa giải cũng như tham dự phiên tòa nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Xét thấy tình cảm và đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận cho chị K ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Có 03 con tên Lê Thị Hoài T1 sinh năm 1999, Lê An T2 sinh năm 2001, Lê An T3 sinh năm 2004. Các cháu T1, T2, T3 đến nay đã trưởng thành, chị K không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Kiểm tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị K xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị K phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị K. Chị Võ Thị K được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chị Võ Thị K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị K đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014349 ngày 11/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, nên xem như đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 2-Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Gò Công Đông, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Phương